



xià jí
下集

noun · next episode

Example Sentences

xià jí jiāng zài xià zhōu wǔ bō chū
下集将在下周五播出。

The next episode will air next Friday.

wǒ pò bù jí dài xiǎng kàn xià jí
我迫不及待想看下集。

I can't wait to watch the next episode.

Trace each character, then write the word on your own.

下	下	下	下	下	下						
集	集	集	集	集	集	集	集	集	集	集	集
集	集	集	集								